

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LÀO CAI**

Số: /UBND- VX  
V/v giao chỉ tiêu tiêm vắc xin  
phòng Covid-19 tháng 8/2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lào Cai, ngày tháng năm 2022

Kính gửi:

- Các sở: Y tế, Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Hiện nay tình hình dịch bệnh COVID-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường và đã bùng phát trở lại tại một số quốc gia. Việt Nam tiếp tục ghi nhận một số biến thể mới của chủng Omicron như BA.04, BA.05, BA.2.12.1... có khả năng lây lan và lẩn tránh hệ miễn dịch cao hơn, do đó dịch bệnh có nguy cơ gia tăng, bùng phát trở lại.

Ngày 05/7/2022, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 3008/UBND-VX về việc giao chỉ tiêu tiêm vắc xin phòng COVID-19 tháng 7/2022, kết quả tính đến ngày 28/7/2022 toàn tỉnh đã triển khai tiêm cho 96.100 người/291.762 người đạt tỷ lệ 32,9% kế hoạch giao, cụ thể như sau:

**- Nhóm tuổi từ 5 đến dưới 12 tuổi:**

+ Mũi 1: 18.889/22.123 đạt 85,4% kế hoạch giao (trong đó có 3 huyện có tỷ lệ tiêm thấp: Sa Pa: 35,4%, Si Ma Cai 38,7%,);

+ Mũi 2: 20.320/41.878 mũi đạt 48,5% kế hoạch giao (Đa số các huyện đều có tỷ lệ tiêm rất thấp, trong đó có 4 huyện thấp hơn trung bình trung toàn tỉnh gồm: Sa Pa: 31,6%; Bắc Hà: 37,1%; Bảo Yên: 42,5% Si Ma Cai: 44,1%)

**- Nhóm tuổi từ 12 đến dưới 18 tuổi:** Kết quả tiêm mũi nhắc lại: 21.394/69.057, đạt 31% kế hoạch giao (Các huyện có tỷ lệ tiêm thấp gồm: Sa Pa: 16,9%; Si Ma Cai: 23,2%; Bảo Yên 24%; Thành phố Lào Cai 27,1%)

**- Nhóm trên 18 tuổi:**

+ Kết quả tiêm mũi nhắc lại lần 1 (mũi 3): 9.746/33.651 đạt 29% kế hoạch giao (các huyện có tỷ lệ tiêm thấp Mường Khương 2,9%; Bảo Yên 13,4%; Bảo Thắng 19%; Thành phố Lào Cai 21,2%)

+ Kết quả tiêm mũi nhắc lại lần 2 (mũi 4): 23.606/120.640 đạt 19,6% kế hoạch giao (Các huyện có tỷ lệ tiêm thấp gồm: Mường Khương 11,3%; Bảo Thắng 12,1%; Văn Bàn 13,3%; Bảo Yên: 15,6%)

*(Kết quả chi tiết theo phụ lục 1 đính kèm)*

Để tăng cường công tác tiêm vắc xin phòng COVID-19, đảm bảo an toàn phòng chống dịch bệnh theo đúng chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Y tế, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu:

### **1. UBND các huyện, thị xã, thành phố**

- Chỉ đạo triển khai quyết liệt các giải pháp đẩy nhanh tiến độ tiêm vắc xin phòng COVID-19 theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công điện số 08/CD-UBND ngày 28/7/2022 về việc tăng cường công tác tiêm vắc xin phòng COVID-19.

- Đẩy nhanh tiến độ tiêm các mũi vắc xin phòng COVID-19 an toàn cho các nhóm đối tượng để hoàn thành tiêm mũi 1, mũi 2 cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi trong tháng 8/2022 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đặc biệt nhóm trẻ có nguy cơ cao (trẻ béo phì, mắc bệnh nền, suy giảm miễn dịch...); tiêm mũi 3 cho người từ 12 đến dưới 18 tuổi và mũi 4 cho các đối tượng trên 18 tuổi theo hướng dẫn của Bộ Y tế tại Công văn số 3309/BYT-DP ngày 23/6/2022 về hướng dẫn tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19.

- Trưởng Ban chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 cấp huyện; Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm trước Tỉnh uỷ, UBND tỉnh nếu để xảy ra tình trạng vắc xin quá hạn phải hủy bỏ trong khi vẫn còn đối tượng có chỉ định nhưng chưa được tiêm hoặc tiêm chậm vắc xin để xảy ra dịch trên địa bàn.

*(Chỉ tiêu tiêm vắc xin tháng 8 theo phụ lục 2 đính kèm)*

### **2. Sở Y tế**

- Tiếp tục tổ chức các đoàn giám sát công tác tiêm vắc xin phòng COVID-19 tại các huyện, thị xã, thành phố; Tăng cường tổ chức tiêm chủng khoa học, an toàn, hiệu quả.

- Bảo đảm cung ứng, phân bổ đầy đủ, phù hợp, kịp thời vắc xin phòng COVID-19 theo nhu cầu của các địa phương, không để tình trạng thiếu vắc xin.

### **3. Sở Thông tin và Truyền thông**

Chủ trì phối hợp với Sở Y tế và UBND các huyện, thị xã, thành phố đẩy mạnh công tác thông tin truyền thông về tiêm vắc xin, lợi ích, hiệu quả của vắc xin; cảnh báo về các biến thể mới của Omicron và hướng dẫn người dân chăm sóc sức khỏe sau nhiễm COVID-19; tiếp tục thực hiện tốt các biện pháp phòng dịch phù hợp, tuyệt đối không được chủ quan, lơ là mất cảnh giác.

### **4. Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục rà soát, lập danh sách học sinh thuộc độ tuổi tiêm chủng từ 5 đến dưới 18 tuổi chưa tiêm chủng hoặc tiêm chủng chưa đầy đủ. Đảm bảo trước năm học mới trẻ từ 5 đến dưới 18 tuổi được tiêm đầy đủ vắc xin.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục tăng cường tuyên truyền cho phụ huynh, học sinh về biện pháp phòng, chống dịch COVID-19; lợi ích của việc tiêm chủng đồng thời hướng dẫn cho giáo viên vận động phụ huynh đưa con em đi tiêm vắc xin phòng COVID-19 đúng lịch.

Yêu cầu Thủ tướng các đơn vị, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- TT. TU, UBND tỉnh;
- Huyện uỷ, Thị uỷ, Thành uỷ;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH3, VX2.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Giàng Thị Dung**

**Phụ lục 1: Kết quả tiêm vắc xin phòng COVID-19 trong tháng 7**  
(Kèm theo Công văn số /UBND-VX ngày /7/2022 của UBND tỉnh Lào Cai)

*Biểu 1: Kết quả tiêm cho trẻ từ 5 đến dưới 18 tuổi*

TT	Địa phương	Trẻ 5-11 tuổi						Trẻ 12 đến dưới 18 tuổi								
		Mũi 1			Mũi 2			Mũi 1			Mũi 2			Tiêm nhắc lại		
		Mũi 1 (Kế hoạch giao)	Kết quả tiêm trong tháng	Tỷ lệ %	Kế hoạch giao	Kết quả tiêm trong tháng	Tỷ lệ %	Kế hoạch giao	Kết quả tiêm trong tháng	Tỷ lệ %	Kế hoạch giao	Kết quả tiêm trong tháng	Tỷ lệ %	Kế hoạch giao	Kết quả tiêm trong tháng	Tỷ lệ %
1	Bảo Thắng	3.118	3.328	106,7	4.605	2.288	49,7	0	0		6	206	3433,3	6.068	1.728	28,5
2	Bảo Yên	2.438	2.241	91,9	5.045	2.143	42,5	45	73	162	213	141	66,2	7.085	1.700	24,0
3	Bát Xát	1.306	1.823	139,6	4.526	2.812	62,1	115	126	110	68	99	145,6	8.801	4.271	48,5
4	Bắc Hà	1.838	1.513	82,3	4.001	1.485	37,1	2	29	1450	0	54		5.456	1.573	28,8
5	Mường Khương	1.176	1.649	140,2	4.368	2.988	68,4	54	73	135	336	92	27,4	6.626	3.257	49,2
6	Sa Pa	2.488	880	35,4	5.043	1.593	31,6	150	40	27	169	84	49,7	8.958	1.512	16,9
7	Si Ma Cai	1.444	559	38,7	2.235	986	44,1	33	30	91	182	72	39,6	4.414	1.023	23,2
8	TP Lào Cai	6.246	4.549	72,8	6.048	2.939	48,6	8	12	150	0	16		14.645	3.973	27,1
9	Văn Bàn	2.069	2.347	113,4	6.007	3.086	51,4	4	135	3375	306	169	55,2	7.004	2.357	33,7
<b>Tổng</b>		<b>22.123</b>	<b>18.889</b>	<b>85,4</b>	<b>41.878</b>	<b>20.320</b>	<b>48,5</b>	<b>411</b>	<b>518</b>	<b>126,034</b>	<b>1280</b>	<b>933</b>	<b>72,9</b>	<b>69.057</b>	<b>21.394</b>	<b>31,0</b>

**Biểu 2. Kết quả tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên**

TT	Địa phương	Người từ 18 tuổi trở lên											
		Mũi 1			Mũi 2			Mũi nhắc lại 1			Mũi nhắc lại 2		
		Kế hoạch giao	Kết quả tiêm trong tháng	Tỷ lệ %	Kế hoạch giao	Kết quả tiêm trong tháng	Tỷ lệ %	Kế hoạch giao	Kết quả tiêm trong tháng	Tỷ lệ %	Kế hoạch giao	Kết quả tiêm trong tháng	Tỷ lệ %
1	Bảo Thắng	20	37	185,0	5	36	720,0	5.161	980	19,0	24.697	2.977	12,1
2	Bảo Yên	114	30	26,3	355	45	12,7	6.187	830	13,4	13.970	2.181	15,6
3	Bát Xát	8	9	112,5	105	39	37,1	2.797	1336	47,8	10.141	2.325	22,9
4	Bắc Hà	0	17		0	33		3.897	2457	63,0	7.919	3.185	40,2
5	Mường Khương	60	2	3,3	46	4	8,7	4.465	471	10,5	7.363	832	11,3
6	Sa Pa	301	0	0,0	114	34	29,8	3.520	789	22,4	7.554	2.010	26,6
7	Si Ma Cai	0	44		0	58		913	707	77,4	4.189	1.456	34,8
8	TP Lào Cai	2	26	1300,0	0	34		4.248	900	21,2	28.560	6.487	22,7
9	Văn Bàn	2	36	1800,0	1590	62	3,9	2.463	1276	51,8	16.247	2.153	13,3
<b>Tổng</b>		<b>507</b>	<b>201</b>	<b>39,6</b>	<b>2215</b>	<b>345</b>	<b>15,6</b>	<b>33.651</b>	<b>9.746</b>	<b>29,0</b>	<b>120.640</b>	<b>23.606</b>	<b>19,6</b>

**Phụ lục 2: Chỉ tiêu giao số lượng cần tiêm vắc xin phòng COVID-19 trong tháng 8/2022**  
(Kèm theo Công văn số /UBND-VX ngày /7/2022 của UBND tỉnh Lào Cai)

TT	Điểm tiêm	Tổng số đối tượng đủ điều kiện tiêm	Trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi		Trẻ 12-17 tuổi			Người từ 18 tuổi trở lên					
			Tiêm Mũi 1	Tiêm mũi 2	Đủ điều kiện chưa tiêm mũi 1	Đủ điều kiện chưa tiêm mũi 2	Tiêm mũi nhắc lại	Đủ điều kiện chưa tiêm mũi 1	Đủ điều kiện chưa tiêm mũi 2	Tiêm nhắc lại lần 1			Còn lại cần tiêm Nhắc lần 2
										Số nhắc lại lần 1 chưa tiêm của tháng 7 chuyển sang tháng 8	Số người cần tiêm nhắc lại lần 1 của tháng 8	Tổng số người cần tiêm nhắc lại lần 1 của tháng 8 bao gồm cả số chưa tiêm tháng 7	
1	Bảo Thắng	38.897	2.341	5.663	0	134	4546	152	6	4182	153	4.335	21.720
2	Bảo Yên	31.226	2.360	5.170	66	147	5606	187	341	5371	134	5.505	11.844
3	Bát Xát	20.179	1.267	3.537	86	244	4629	171	354	2007	68	2.075	7.816
4	Bắc Hà	17.149	1.808	4.029	0	354	3937	93	398	1646	150	1.796	4.734
5	Mường Khương	18.568	917	3.029	0	387	3461	145	104	3994	0	3.994	6.531
6	Sa Pa	23.453	2.186	4.347	110	470	7536	367	83	2744	63	2.807	5.547
7	Si Ma Cai	10.181	1.492	1.834	42	258	3463	37	68	206	40	246	2.741
8	TP Lào Cai	50.920	6.809	7.723	8	63	10688	7	45	3349	138	3.487	22.090
9	Văn Bàn	30.157	2.275	5.272	0	630	4816	3	1798	1187	82	1.269	14.094
<b>Tổng</b>		<b>240.730</b>	<b>21.455</b>	<b>40.604</b>	<b>312</b>	<b>2.687</b>	<b>48.682</b>	<b>1.162</b>	<b>3.197</b>	<b>24.686</b>	<b>828</b>	<b>25.514</b>	<b>97.117</b>

